

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ
ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 532.../CBTT-ĐĐTMM

Cẩm Phả, ngày 19 tháng 5 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin: Mã CK: VTM
Trụ sở chính: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, Tổ 16, Khu Tây Sơn 2, Phường
Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0203 3862343

Fax: 0203 3864038

Người thực hiện công bố thông tin: VŨ ĐỨC LONG

Địa chỉ: Thư ký công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0902108866

Fax: 02033 864 038

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: **Hợp đồng vay 42.711.000.000 VNĐ (Bốn mươi hai tỷ, bảy trăm mười một triệu đồng) tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 01/2022/TDH/NTQN-VTDDTM ngày 18/5/2022 để đầu tư tài sản cố định thuộc kế hoạch Đầu tư xe ô tô chở công nhân duy trì sản xuất năm 2022.**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

* Tài liệu kèm theo:

- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 01/2022/TDH/NTQN-VTDDTM, ngày 18/5/2022.

Người thực hiện công bố thông tin



Vũ Đức Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO VAY TỪNG LẦN TRUNG DÀI HẠN

Số: 01/2022/TDH/NTQN-VTDDTM

Hợp đồng này được ký ngày 18 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh giữa các bên sau đây:

BÊN CHO VAY:

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0100112437-013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 23 tháng 06 năm 2008, thay đổi lần thứ 10 ngày 10 tháng 11 năm 2021
- Địa chỉ: Đường 25/4, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: 0203.3556816 Fax: 0203.3556618
- Người đại diện: **Ông Hoàng Quốc Chiến** Chức vụ: **Giám đốc**
Theo Giấy ủy quyền số 727/UQ-VCB-PC ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Sau đây gọi là “Ngân hàng”

BÊN VAY:

Công ty cổ phần vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700477326 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 22 tháng 12 năm 2003, thay đổi lần thứ 6 ngày 10 tháng 5 năm 2021
- Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: 0203.3862343 Fax: 0203.3864038
- Người đại diện: **Ông Phan Văn Cường** Chức vụ: **Giám đốc**
- Tài khoản đồng Việt Nam số: 0141000388399 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh
Sau đây gọi là “Khách hàng”

Hai bên thoả thuận ký Hợp đồng này với các điều khoản sau đây:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1.1. Định nghĩa:

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1.1. **Phương án Sử dụng vốn:** là tập hợp các thông tin về việc sử dụng vốn của Khách hàng được Khách hàng lập và ký theo mẫu quy định của Ngân hàng.
- 1.1.2. **Giấy nhận nợ:** là văn bản do Khách hàng lập và ký theo mẫu quy định của Ngân hàng hoặc văn bản thông báo của Ngân hàng về Khoản nợ của Khách hàng tại Ngân hàng.
- 1.1.3. **Hợp đồng:** là Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 01/2022/TDH/NTQN-VTDDTM ký ngày 18 tháng 05 năm 2022 giữa Ngân hàng và Khách hàng, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) tại từng thời điểm.
- 1.1.4. **Khoản nợ:** là số tiền được Ngân hàng giải ngân cho Khách hàng theo Hợp đồng này và



Handwritten signature and initials in blue ink.

được Ngân hàng theo dõi theo từng khoản vay.

- 1.1.5. **Dư nợ gốc bị Quá hạn:** bao gồm số dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại khoản 6.6 Điều 6 Hợp đồng này và số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ trước hạn khi Ngân hàng chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại khoản 10.2 Điều 10 Hợp đồng này.
- 1.1.6. **Hợp đồng Bảo đảm:** là (các) hợp đồng được dẫn chiếu theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng này.
- 1.1.7. **Kỳ hạn Trả nợ:** là các khoảng thời gian trong Thời hạn Cho vay đã thỏa thuận mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó Khách hàng phải trả một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc Lãi tiền vay cho Ngân hàng.
- 1.1.8. **Lãi tiền vay:** bao gồm lãi trên dư nợ gốc trong hạn, lãi trên Dư nợ gốc bị Quá hạn, lãi chậm trả quy định tại khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng này.
- 1.1.9. **Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ:** là việc Ngân hàng chấp thuận điều chỉnh Kỳ hạn Trả nợ, gia hạn nợ như sau: (i) Điều chỉnh Kỳ hạn Trả nợ là việc Ngân hàng chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc Lãi tiền vay của Kỳ hạn Trả nợ đã thỏa thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số Kỳ hạn Trả nợ đã thỏa thuận), Thời hạn Cho vay không thay đổi; (ii) Gia hạn nợ là việc Ngân hàng chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc Lãi tiền vay, vượt quá Thời hạn Cho vay đã thỏa thuận.
- 1.1.10. **Ngày làm việc:** là bất kỳ ngày nào, trừ ngày nghỉ lễ, nghỉ tết và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và ngày mà (các) ngân hàng tại Việt Nam được phép hoặc bắt buộc phải đóng cửa theo quyết định của người/cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 1.1.11. **Ngày Giải ngân Vốn vay Lần đầu:** là ngày Ngân hàng giải ngân Khoản nợ lần đầu cho Khách hàng.
- 1.1.12. **Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ):** là việc Ngân hàng chủ động trích tiền (ghi Nợ) bất kỳ tài khoản nào (tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi và các tài khoản khác) của Khách hàng và/hoặc đơn vị phụ thuộc của Khách hàng mở tại Ngân hàng và/hoặc các đơn vị khác cùng hệ thống với Ngân hàng để thu hồi nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).
- 1.1.13. **Sự kiện Vi phạm:** là các sự kiện được quy định tại Điều 10 của Hợp đồng này.
- 1.1.14. **Sự kiện Biến động Thị trường:** là các trường hợp thay đổi quy định của pháp luật, chính sách tiền tệ, chính sách điều hành lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các nguyên nhân khách quan khác trực tiếp hoặc gián tiếp làm tăng chi phí huy động vốn của Ngân hàng trong các kỳ tính lãi liên quan và/hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng giải ngân vốn cho vay của Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng này.
- 1.1.15. **Thay đổi Bất lợi Đáng kể:** là bất kỳ sự kiện, hành vi, điều kiện, văn bản hoặc thay đổi nào mà theo xác định của Ngân hàng có thể ảnh hưởng bất lợi đến: (i) Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, khả năng thực hiện nghĩa vụ hoặc tài sản của Khách hàng; (ii) Khả năng trả nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) của Khách hàng theo Văn bản Tín dụng; hoặc (iii) Hiệu lực và khả năng thi hành của bất kỳ văn bản nào có liên quan trong Văn bản Tín dụng.
- 1.1.16. **Thời hạn Cho vay:** là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay cho đến thời điểm Khách hàng phải trả hết nợ gốc và Lãi tiền vay theo Hợp đồng này. Trường hợp ngày cuối cùng của Thời hạn Cho vay không phải là Ngày làm việc thì chuyển sang Ngày làm việc tiếp theo. Đối với Thời hạn Cho vay không đủ một ngày thì thực hiện theo quy định tại Bộ luật Dân sự về thời điểm bắt đầu thời hạn.
- 1.1.17. **Thời gian Ân hạn:** là khoảng thời gian tính từ ngày tiếp theo của Ngày Giải ngân Vốn vay

Lần đầu cho đến ngày liền kề trước ngày bắt đầu Kỳ hạn Trả nợ gốc của Khoản nợ đầu tiên.

1.1.18. **Văn bản Tín dụng:** là các văn bản, hợp đồng bao gồm: (i) Hợp đồng này; (ii) Giấy nhận nợ; (iii) Hợp đồng Bảo đảm có liên quan (nếu có) và/hoặc văn bản bảo lãnh vay vốn/hợp đồng bảo lãnh vay vốn (nếu có); (iv) Phương án Sử dụng vốn và các tài liệu chứng minh Khách hàng đủ điều kiện vay vốn; (v) Bất kỳ văn bản nào khác liên quan và/hoặc vì mục đích của Hợp đồng này.

1.2. Nguyên tắc giải thích Hợp đồng:

1.2.1. Tiêu đề các Điều trong Hợp đồng này chỉ nhằm mục đích thuận tiện cho việc theo dõi Hợp đồng này, không ảnh hưởng đến việc giải thích nội dung các Điều trong Hợp đồng này.

1.2.2. Dẫn chiếu tới bất kỳ văn bản hoặc thỏa thuận nào sẽ bao gồm cả bất kỳ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc gia hạn đối với văn bản hoặc thỏa thuận đó.

1.2.3. Dẫn chiếu tới bất kỳ bên nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới cả bên kế thừa hoặc bên nhận chuyển nhượng được phép hoặc bên nhận chuyển giao được phép của bên đó.

1.2.4. Khi Hợp đồng này có điều khoản hoặc ngôn từ có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau thì phải giải thích theo nghĩa phù hợp nhất với mục đích, tính chất của Hợp đồng này.

1.2.5. Các trường hợp khác việc giải thích Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Khoản vay

2.1. Số tiền cho vay:

Theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, Ngân hàng giao hoặc cam kết giao cho Khách hàng (các) khoản tiền với tổng số tiền cho vay tối đa là: 42.711.000.000 VND (Bằng chữ: Bốn mươi hai tỷ bảy trăm mười một triệu đồng) nhưng không vượt quá 85% chi phí đầu tư lũy kế (chưa gồm VAT) của Phương án đầu tư tài sản cố định.

2.2. Đồng tiền cho vay:

Đồng tiền cho vay là: Việt Nam đồng (VND).

Khách hàng được quyền đề nghị Ngân hàng giải ngân vốn cho vay bằng nhiều đồng tiền khác nhau khi Ngân hàng chấp thuận phù hợp với quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, Ngân hàng có quyền quy đổi trên danh nghĩa số tiền giải ngân về một đồng tiền theo tỷ giá do Ngân hàng quyết định tại thời điểm quy đổi nhằm quản lý số tiền cho vay quy định tại Khoản 2.1 Điều này.

2.3. Thời hạn Cho vay:

Thời hạn Cho vay là: Tối đa 96 tháng kể từ Ngày Giải ngân Vốn vay Lần đầu nhưng không vượt quá thời gian khấu hao tài sản theo chính sách của Khách hàng.

2.4. Phương thức cho vay: Cho vay từng lần.

2.5. Mục đích sử dụng vốn vay:

Mục đích sử dụng vốn vay của Khách hàng là: Tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ đầu tư tài sản cố định thuộc kế hoạch Đầu tư xe ô tô chở công nhân duy trì sản xuất năm 2022 đã được cấp thẩm quyền của Khách hàng phê duyệt.

Điều 3. Lãi suất cho vay

3.1. Lãi suất cho vay trong hạn:

Lãi suất cho vay có điều chỉnh:

+ Đối với các khoản giải ngân phát sinh đến hết ngày 31/12/2022: Lãi suất cho vay cố định : 8%/năm, thời gian cố định lãi suất 1 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian ưu đãi lãi suất, áp dụng lãi suất cho vay thông thường theo quy định hiện hành của Ngân hàng.

+ Đối với các khoản giải ngân phát sinh sau ngày 31/12/2022: áp dụng lãi suất cho vay thông thường theo quy định hiện hành của Ngân hàng.

Trong đó:

- Lãi suất cho vay thông thường được xác định bằng: Lãi suất cơ sở (+) cộng với mức biên (margin), trong đó:
- Lãi suất cơ sở được xác định bằng: Lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VNĐ 12 tháng trả lãi cuối kỳ bình quân của 04 ngân hàng: Vietinbank, BIDV, VCB và Agribank.
- Mức biên (margin) được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng từng thời kỳ. Mức biên margin được Ngân hàng thực hiện rà soát định kỳ 12 tháng/lần trên cơ sở kết quả Xếp hạng tín dụng nội bộ của Khách hàng tại Ngân hàng.
- Chu kỳ điều chỉnh lãi suất là 01 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên hoặc theo thông báo của Ngân hàng từng thời kỳ.
- Trường hợp gia hạn nợ vay cho Khách hàng: Ngân hàng áp dụng lãi suất cho vay trung dài hạn thông thường theo quy định của Ngân hàng
- Trường hợp khách hàng phát sinh nợ xấu, nợ nhóm 2 tại Ngân hàng và/hoặc các Tổ chức tín dụng khác theo thông tin CIC, Ngân hàng áp dụng lãi suất cho vay trung dài hạn thông thường theo quy định của Ngân hàng tương ứng với thời hạn cho vay của hợp đồng cấp tín dụng kể từ thời điểm phát sinh nợ xấu, nợ nhóm 2.
- Trường hợp Khách hàng phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng điều chỉnh mức lãi suất cho vay trong hạn về mức lãi suất cho vay trung dài hạn thông thường theo quy định của Ngân hàng tương ứng với thời hạn cho vay của hợp đồng cấp tín dụng và dùng lãi suất này làm cơ sở tính lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn.

3.2. Lãi suất áp dụng đối với Dư nợ gốc bị Quá hạn:

Mức lãi suất áp dụng đối với Dư nợ gốc bị Quá hạn là: 150% lãi suất cho vay trong hạn quy định tại khoản 3.1 Điều này kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn cho đến khi Khách hàng trả hết Dư nợ gốc bị Quá hạn.

3.3. Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả:

Mức lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả là: 0%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3.4. Sự kiện Biến động Thị trường:

3.4.1. Khi có Sự kiện Biến động Thị trường theo quy định tại Hợp đồng này, Ngân hàng sẽ thông báo bằng văn bản cho Khách hàng biết lãi suất cho vay áp dụng trong kỳ tính lãi bị ảnh hưởng bởi Sự kiện Biến động Thị trường đó. Thông báo này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.

3.4.2. Nếu Khách hàng có đề nghị đàm phán lãi suất cho vay, các bên sẽ tổ chức đàm phán lãi suất cho vay mới trên cơ sở thiện chí, đảm bảo quyền lợi của các bên. Trong thời gian đàm phán, lãi suất cho vay áp dụng là lãi suất cho vay mà Ngân hàng đã thông báo đến Khách hàng khi có Sự kiện Biến động Thị trường. Nếu hai bên không thống nhất được lãi suất cho vay mới trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Khách hàng đề nghị đàm phán lãi suất cho vay, Ngân hàng có quyền dừng việc giải ngân vốn cho vay và/hoặc yêu cầu Khách hàng trả nợ trước hạn.

Điều 4. Giải ngân vốn cho vay

4.1. Điều kiện giải ngân vốn cho vay:

Ngân hàng đồng ý giải ngân vốn vay cho Khách hàng khi tất cả các điều kiện dưới đây đã được đáp ứng, trừ trường hợp Ngân hàng quyết định không áp dụng một số điều kiện nhất định đối với Khách hàng:

4.1.1. Mục đích giải ngân vốn vay của Khách hàng phải phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay quy định tại khoản 2.5 Điều 2 Hợp đồng này.

- 4.1.2. Các văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng có nội dung, hình thức, số lượng phù hợp với quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng.
- 4.1.3. Ngân hàng đã nhận được đầy đủ hồ sơ, tài liệu, văn bản sau:
- Văn bản của cấp có thẩm quyền của Khách hàng chấp thuận hoặc thông qua: (i) Phương án Sử dụng vốn; (ii) Việc vay vốn tại Ngân hàng; (iii) Thực hiện biện pháp bảo đảm nghĩa vụ của Khách hàng theo Hợp đồng này (nếu có), trong trường hợp bên bảo đảm là Khách hàng; (iv) Giao người có thẩm quyền ký kết Hợp đồng này và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng.
 - Văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Khách hàng trong trường hợp người ký Hợp đồng này và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng không phải là người đại diện theo pháp luật của Khách hàng.
 - Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hợp pháp hoặc bản sao y bản chính hợp pháp của văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng có hình thức, nội dung, số lượng phù hợp với quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng.
 - Văn bản, tài liệu chứng minh việc góp và sử dụng vốn tự có trong phương án sản xuất, kinh doanh của Khách hàng.
 - Hồ sơ, tài liệu, giấy tờ liên quan đến việc giải ngân vốn cho vay theo yêu cầu của Ngân hàng trong thời hạn giải ngân vốn cho vay quy định tại khoản 4.2 Điều này.
 - Các văn bản, tài liệu khác theo yêu cầu của Ngân hàng.
- 4.1.4. Khách hàng đề nghị Ngân hàng giải ngân vốn cho vay không vượt quá số tiền cho vay quy định tại khoản 2.1 Điều 2 Hợp đồng này và trong thời hạn giải ngân vốn cho vay quy định tại khoản 4.2 Điều này.
- 4.1.5. Khách hàng đã mở tài khoản theo chỉ định của Ngân hàng và chuyển vốn tự có liên quan đến phương án sản xuất, kinh doanh mà Khách hàng có tại thời điểm đó vào tài khoản này theo yêu cầu của Ngân hàng.
- 4.1.6. Hợp đồng Bảo đảm có liên quan (nếu có) đã được đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật theo yêu cầu của Ngân hàng. Trong trường hợp pháp luật có quy định và/hoặc Ngân hàng có yêu cầu thì Hợp đồng Bảo đảm có liên quan (nếu có) còn phải được công chứng, chứng thực hoặc xác nhận.
- 4.1.7. Không có bất kỳ Sự kiện Vi phạm, Thay đổi Bất lợi Đáng kể nào theo quy định tại Hợp đồng này.
- 4.1.8. Các điều kiện khác: Hoàn thành thủ tục thế chấp và công chứng (nếu pháp luật quy định bắt buộc), đăng ký giao dịch bảo đảm và các thủ tục khác theo quy định của pháp luật đối với tài sản bảo đảm nêu tại điểm b) Khoản 5.1 Điều 5 Hợp đồng này.
- 4.2. Thời hạn giải ngân vốn cho vay:**
- 4.2.1. Thời hạn giải ngân vốn cho vay tối đa là:
- 12 tháng, kể từ Hợp đồng này có hiệu lực.
- 4.2.2. Nếu hết thời hạn giải ngân vốn cho vay mà Khách hàng không đề nghị hoặc đề nghị Ngân hàng giải ngân vốn cho vay không hết số tiền cho vay quy định tại khoản 2.1 Điều 2 Hợp đồng này thì Khách hàng không được tiếp tục đề nghị Ngân hàng giải ngân vốn cho vay, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
- 4.2.3. Trong thời hạn giải ngân vốn cho vay, Khách hàng có thể đề nghị Ngân hàng giải ngân vốn cho vay một hoặc nhiều lần.
- 4.3. Hồ sơ đề nghị giải ngân vốn cho vay:**
- Mỗi lần đề nghị giải ngân vốn cho vay, Khách hàng cung cấp cho Ngân hàng hồ sơ đề nghị giải ngân vốn cho vay có nội dung, hình thức, số lượng đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng.

Handwritten signature and date:
20/11/2022

bao gồm:

- a) Bản gốc Giấy nhận nợ;
- b) Tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay; Các hồ sơ, tài liệu khác theo yêu cầu của Ngân hàng và theo quy định tại Hợp đồng này.

4.4. Phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay:

Ngân hàng giải ngân vốn cho vay thông qua hình thức tiền mặt và/hoặc chuyển tiền vào tài khoản do Khách hàng chỉ định phù hợp với quy định của Ngân hàng và quy định của pháp luật.

4.5. Giải ngân vốn cho vay để thanh toán theo thư tín dụng (L/C):

Trường hợp Khách hàng đề nghị Ngân hàng giải ngân vốn cho vay để thanh toán theo L/C có nguồn thanh toán từ nguồn vốn vay theo Hợp đồng này thì Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng hạch toán ghi nợ vào tài khoản vay của Khách hàng số tiền Ngân hàng đã giải ngân để thanh toán theo L/C. Trong trường hợp này, Khách hàng đồng ý nhận nợ vay số tiền thực tế Ngân hàng đã giải ngân để thanh toán theo L/C với thời hạn, lãi suất và các nội dung khác theo thông báo của Ngân hàng và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng.

Điều 5. Biện pháp bảo đảm tiền vay

5.1. Nghĩa vụ của Khách hàng theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng (các) biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm sau:

- a) Thế chấp tài sản là phương tiện vận tải hình thành từ vốn tự có và vốn vay Ngân hàng thuộc dự án “Đầu tư xe ô tô chở công nhân duy trì sản xuất năm 2020” theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 01/2020/PTVT/NTQN-VTDDTM ngày 22/09/2020 và các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung đính kèm (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng.
- b) Thế chấp tài sản là phương tiện vận tải hình thành từ vốn tự có và vốn vay Ngân hàng thuộc dự án “Đầu tư xe ô tô chở công nhân duy trì sản xuất năm 2021” theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 01/2021/PTVT/NTQN-VTDDTM ngày 20/04/2021 và các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung đính kèm (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng.
- c) Thế chấp tài sản là quyền đòi nợ và/hoặc quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng thương mại của Khách hàng theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 02/2021/QDN/NTQN-VTDDTM ngày 20/04/2021 và các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung đính kèm (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng.
- d) Thế chấp tài sản là hàng hóa luân chuyển từ hoạt động kinh doanh của Khách hàng theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 03/2021/HTK/NTQN-VTDDTM ngày 20/04/2021 và các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung đính kèm (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng.
- e) Thế chấp tài sản là phương tiện vận tải hình thành trong tương lai từ vốn tự có và vốn vay Ngân hàng thuộc dự án “Đầu tư xe ô tô chở công nhân duy trì sản xuất năm 2022” theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 01/2022/PTVT/NTQN-VTDDTM ngày /05/2022 và các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung đính kèm (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng.

5.2. Nghĩa vụ của Khách hàng theo Hợp đồng này còn có thể được bảo đảm bằng (các) biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm khác được xác lập giữa Ngân hàng với Khách hàng và/hoặc với bên thứ ba trước và/hoặc cùng và/hoặc sau ngày ký Hợp đồng này mà trong đó có quy định hoặc dẫn chiếu đến nghĩa vụ được bảo đảm, bao gồm cả nghĩa vụ của Khách hàng theo Hợp đồng này.

24
H
AI
NH
IG
T

Điều 6. Trả nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác

6.1. Trả nợ gốc:

- 6.1.1. Thời gian Ân hạn là: 06 tháng kể từ Ngày Giải ngân Vốn vay Lần đầu.
- 6.1.2. Khách hàng phải trả nợ gốc theo lịch trả nợ gốc do Ngân hàng lập và thông báo lịch trả nợ gốc cho Khách hàng. Lịch trả nợ gốc là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

6.2. Trả Lãi tiền vay:

6.2.1. Trả lãi trên dư nợ gốc trong hạn:

- a) Khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc trong hạn cho Ngân hàng trong khoảng thời gian 06 (sáu) ngày được tính từ ngày tiếp theo của ngày lên phiếu tính lãi (bill lãi) dưới đây:
 Ngày lên phiếu tính lãi là ngày 26 hàng tháng.
- b) Lãi trên dư nợ gốc trong hạn được tính bằng (=) số dư nợ gốc thực tế nhân (x) số ngày vay thực tế nhân (x) lãi suất cho vay trong hạn chia (:) cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

6.2.2. Trả lãi trên Dư nợ gốc bị Quá hạn:

- a) Khách hàng phải trả lãi trên Dư nợ gốc bị Quá hạn theo lãi suất áp dụng đối với Dư nợ gốc bị Quá hạn quy định tại khoản 3.2 Điều 3 Hợp đồng này.
- b) Lãi trên Dư nợ gốc bị Quá hạn được tính bằng (=) Dư nợ gốc bị Quá hạn nhân (x) số ngày quá hạn nhân (x) mức lãi suất áp dụng đối với Dư nợ gốc bị Quá hạn chia (:) cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

6.2.3. Trả lãi chậm trả:

- a) Khách hàng phải trả lãi chậm trả tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả quy định tại khoản 3.3 Điều 3 của Hợp đồng này.
- b) Lãi chậm trả được tính bằng (=) số dư lãi chậm trả nhân (x) số ngày chậm trả nhân (x) mức lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả chia (:) cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

- 6.2.4. Trường hợp Khách hàng trả toàn bộ dư nợ gốc cho Ngân hàng thì Khách hàng phải trả Lãi tiền vay cùng ngày với ngày Khách hàng trả toàn bộ dư nợ gốc cho Ngân hàng.

6.3. Trả nợ trước hạn:

- 6.3.1. Khách hàng chỉ được trả một phần hoặc toàn bộ nợ vay trước hạn nếu được Ngân hàng đồng ý.
- 6.3.2. Khách hàng phải trả nợ trước hạn khi Ngân hàng chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại khoản 10.2 Điều 10 Hợp đồng này.
- 6.3.3. Trường hợp Khách hàng trả trước hạn toàn bộ dư nợ gốc cho Ngân hàng thì Khách hàng phải trả Lãi tiền vay cùng ngày với ngày Khách hàng trả trước hạn toàn bộ dư nợ gốc cho Ngân hàng.

6.4. Trả các loại phí:

- 6.4.1. Trường hợp có phát sinh các nghiệp vụ có liên quan đến (các) Khoản nợ, Khách hàng đồng ý trả ngay cho Ngân hàng các loại phí phát sinh theo biểu phí do Ngân hàng công bố tại thời điểm ký Hợp đồng này hoặc tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ có liên quan đến (các) Khoản nợ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

- 6.4.2. Trường hợp Khách hàng trả nợ trước hạn theo quy định tại Hợp đồng này, mức phí Khách hàng phải trả cho Ngân hàng được xác định theo cách tính sau:

Phí trả nợ trước hạn bằng (=) 0,5% nhân (x) số tiền trả nợ trước hạn.

- 6.4.3. Khách hàng phải trả phí cam kết rút vốn kể từ thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực đến Ngày Giải ngân Vốn vay Lần đầu theo cách tính sau:

Phí cam kết rút vốn bằng (=) 0% nhân (x) số tiền cam kết rút vốn. *W*

Uca2
W

6.4.4. Khách hàng đồng ý trả các khoản phí, lệ phí để thực hiện các thủ tục công chứng/chứng thực/xác nhận, đăng ký giao dịch bảo đảm, định giá/thẩm định giá tài sản bảo đảm và các loại phí, lệ phí khác (nếu có) phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai liên quan đến việc vay vốn theo Hợp đồng này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Trường hợp Ngân hàng trả thay cho Khách hàng các khoản phí, lệ phí này thì Khách hàng phải hoàn trả lại Ngân hàng số tiền Ngân hàng đã trả thay cho Khách hàng trong thời hạn phù hợp do Ngân hàng yêu cầu.

6.5. Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ:

6.5.1. Nếu Khách hàng có nhu cầu Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ thì Khách hàng phải gửi văn bản đề nghị Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ và phương án/kế hoạch trả nợ mới đến Ngân hàng ít nhất 30 Ngày làm việc trước ngày đến hạn trả nợ.

6.5.2. Nếu Khách hàng không gửi văn bản đề nghị Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ và phương án/kế hoạch trả nợ mới trong thời hạn quy định tại điểm 6.5.1 khoản 6.5 Điều này hoặc Ngân hàng không chấp thuận Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ theo đề nghị của Khách hàng thì Khách hàng phải trả nợ theo đúng thời hạn trả nợ gốc và/hoặc Lãi tiền vay theo quy định tại Hợp đồng này.

6.5.3. Trường hợp Ngân hàng chấp thuận Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ, Ngân hàng gửi thông báo bằng văn bản có các điều kiện của việc Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ để Khách hàng biết và thực hiện. Thông báo Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

6.6. Chuyển nợ quá hạn:

Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng này và không được Ngân hàng chấp thuận Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ theo quy định tại khoản 6.5 Điều này. Ngân hàng thông báo cho Khách hàng biết việc chuyển nợ quá hạn. Thông báo chuyển nợ quá hạn là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

6.7. Nghĩa vụ thuế:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh nghĩa vụ nộp thuế của Khách hàng theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế thì thực hiện như sau:

6.7.1. Số tiền Khách hàng trả nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng này không bị khấu trừ hoặc giữ lại để nộp bất kỳ khoản thuế, lệ phí hoặc khoản thu nào, trừ thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên tổng thu nhập thuần của Khách hàng.

6.7.2. Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ) theo quy định tại Hợp đồng này trước khi Khách hàng thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế.

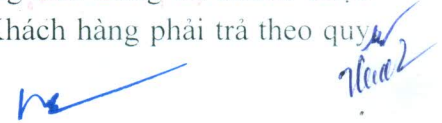
6.8. Đồng tiền thanh toán:

6.8.1. Đồng tiền trả nợ gốc và Lãi tiền vay là đồng tiền tương ứng với đồng tiền Khách hàng đã nhận nợ tại Ngân hàng. Đồng tiền trả các loại phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) quy định tại Hợp đồng này là đồng Việt Nam.

6.8.2. Trường hợp đồng tiền cho vay là ngoại tệ thì Khách hàng có thể trả nợ gốc và Lãi tiền vay bằng đồng tiền khác theo thỏa thuận mua bán ngoại tệ giữa Ngân hàng và Khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối tại thời điểm Khách hàng trả nợ gốc và Lãi tiền vay.

6.8.3. Trường hợp Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ) mà đồng tiền trong tài khoản được Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ) khác với đồng tiền Khách hàng phải trả theo quy

17
NG
ỚT
/T
H
INH
LƯU



định tại Hợp đồng này thì Ngân hàng được quyền quy đổi số tiền đó theo tỷ giá do Ngân hàng quyết định tại thời điểm quy đổi và trừ phí quy đổi tiền tệ theo quy định của Ngân hàng.

6.9. Phương thức, thứ tự ưu tiên thu nợ:

6.9.1. Khi đến hạn trả nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng này thì thực hiện như sau:

- a) Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ) theo quy định tại Hợp đồng này.
- b) Trường hợp tài khoản được Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ) không có tiền hoặc không đủ tiền để trả nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có), Khách hàng phải chuyển ngay tiền mặt và/hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Khách hàng mở tại Ngân hàng và/hoặc chuyển tiền vào tài khoản do Ngân hàng chỉ định để Ngân hàng thu nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).

6.9.2. Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng thu nợ đối với Khoản nợ của Khách hàng chưa bị quá hạn nợ gốc theo thứ tự như sau:

- (i) Nợ gốc đến hạn; (ii) Lãi trên dư nợ gốc trong hạn; (iii) Các loại phí; (iv) Các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).

6.9.3. Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng thu nợ đối với Khoản nợ của Khách hàng bị quá hạn nợ gốc theo thứ tự như sau:

- (i) Nợ gốc bị quá hạn; (ii) Nợ gốc đến hạn; (iii) Lãi trên Dư nợ gốc bị Quá hạn; (iv) Lãi trên dư nợ gốc trong hạn; (v) Lãi chậm trả; (vi) Các loại phí; (vii) Các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).

6.10. Ngày đến hạn:

6.10.1. Ngày đến hạn là ngày cuối cùng của Kỳ hạn Trả nợ và/hoặc Thời hạn Cho vay. Vào ngày đến hạn, Khách hàng phải trả đầy đủ nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) đúng hạn quy định tại Hợp đồng này và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng.

6.10.2. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) không phải là Ngày làm việc thì Khách hàng phải trả nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) vào Ngày làm việc tiếp theo.

Điều 7. Cam đoan của các bên

7.1. Cam đoan của Khách hàng:

Vào ngày ký kết Hợp đồng này, Khách hàng cam đoan như sau:

7.1.1. Được thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Khách hàng; Khách hàng có quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản của mình.

7.1.2. Có thẩm quyền ký kết Hợp đồng này và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Khách hàng. Việc ký kết, thực hiện Hợp đồng này và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng không vi phạm quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Khách hàng và các cam kết, thỏa thuận khác của Khách hàng đối với bên thứ ba.

7.1.3. Không sử dụng vốn vay vào các mục đích sau:

- a) Thực hiện các hoạt động đầu tư kinh doanh thuộc ngành, nghề mà pháp luật cấm đầu tư kinh doanh.
- b) Thanh toán các chi phí, đáp ứng các nhu cầu tài chính của các giao dịch, hành vi mà pháp luật cấm.

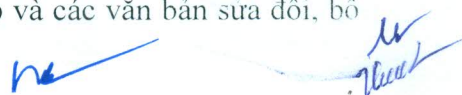
- c) Mua, sử dụng các hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành, nghề mà pháp luật cấm đầu tư kinh doanh.
 - d) Mua vàng miếng.
 - e) Trả nợ khoản cấp tín dụng tại chính Ngân hàng, trả nợ khoản cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng khác và trả nợ khoản vay nước ngoài, trừ trường hợp được Ngân hàng chấp thuận phù hợp với quy định của pháp luật.
- 7.1.4. Nghĩa vụ trả nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) của Khách hàng theo Hợp đồng này và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng có thứ tự trả nợ thứ nhất hoặc ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ trả nợ không có bảo đảm, trừ các nghĩa vụ bắt buộc ưu tiên thanh toán theo quy định của pháp luật.
- 7.1.5. Bảo đảm các thông tin, tài liệu, báo cáo tài chính mà Khách hàng hoặc người của Khách hàng cung cấp cho Ngân hàng là chính xác, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động của Khách hàng.
- 7.1.6. Việc Khách hàng ký kết, thực hiện Hợp đồng này và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng không dẫn đến Sự kiện Vi phạm theo quy định tại Hợp đồng này.
- 7.1.7. Khách hàng hoặc tài sản hoặc doanh thu của Khách hàng không liên quan đến bất kỳ thủ tục tố tụng, thủ tục trọng tài hoặc thủ tục hành chính hoặc không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu thanh toán bất kỳ nghĩa vụ thuế nào dẫn đến Thay đổi Bất lợi Đáng kể theo quy định tại Hợp đồng này.
- 7.1.8. Không có bất kỳ thủ tục nội bộ hoặc thủ tục pháp lý nào liên quan đến việc ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động, giải thể, tổ chức lại, phá sản, chỉ định người quản lý tài sản/quản tài viên/doanh nghiệp quản lý tài sản, chuyển đổi hình thức pháp lý khác hoặc sự kiện có tính chất tương tự đang diễn ra, đang được giải quyết hoặc đe dọa diễn ra đối với Khách hàng hoặc tài sản hoặc doanh thu của Khách hàng, trừ trường hợp được Ngân hàng đồng ý bằng văn bản.
- 7.1.9. Không sử dụng bất kỳ tài sản, quyền tài sản nào, các khoản phải thu hình thành từ vốn vay của Ngân hàng để bảo đảm cho nghĩa vụ của Khách hàng tại các cá nhân, tổ chức khác.
- 7.1.10. Khách hàng, tài sản và doanh thu của Khách hàng không được hưởng quyền miễn trừ liên quan đến việc bù trừ nghĩa vụ, tố tụng hoặc thi hành án.
- 7.1.11. Bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, nếu Khách hàng là doanh nghiệp có vốn nhà nước.
- 7.1.12. Đã được Ngân hàng cung cấp đầy đủ các thông tin về: lãi suất cho vay; lãi suất áp dụng đối với Dư nợ gốc bị Quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính Lãi tiền vay; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản vay; các tiêu chí xác định Khách hàng vay vốn theo lãi suất cho vay; thông tin về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung có liên quan; và các thông tin khác có liên quan đến toàn bộ nội dung Hợp đồng này.
- 7.1.13. Đã đọc kỹ, hiểu rõ đầy đủ các điều khoản, điều kiện và hoàn toàn tự nguyện tham gia ký kết, thực hiện Hợp đồng này và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng.
- 7.2. Cam đoan của Ngân hàng:**
Vào ngày ký kết Hợp đồng này, Ngân hàng cam đoan như sau:
- 7.2.1. Được thành lập, hoạt động hợp pháp và được thực hiện hoạt động cho vay phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.
- 7.2.2. Có thẩm quyền ký kết, thực hiện, đã hoàn tất các thủ tục cần thiết trong nội bộ và các thủ tục cần thiết khác để được phép ký kết, thực hiện Hợp đồng này và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng.
- 7.2.3. Đã đọc kỹ, hiểu rõ đầy đủ các điều khoản, điều kiện và hoàn toàn tự nguyện tham gia ký

kết, thực hiện Hợp đồng này và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

Khách hàng có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- 8.1. Đề nghị Ngân hàng giải ngân vốn cho vay theo các điều kiện quy định tại Hợp đồng này.
- 8.2. Từ chối các yêu cầu của Ngân hàng không đúng với quy định tại Hợp đồng này, văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng và quy định của pháp luật.
- 8.3. Khiếu nại, khởi kiện Ngân hàng vi phạm Hợp đồng này và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng theo quy định của pháp luật.
- 8.4. Trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng này và/hoặc văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng.
- 8.5. Phối hợp với Ngân hàng cung cấp tài liệu liên quan đến (các) Khoản nợ và tạo điều kiện thuận lợi để Ngân hàng kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sử dụng vốn vay, tài sản bảo đảm, tài sản hình thành từ vốn vay, tài khoản, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Khách hàng.
- 8.6. Sử dụng và huy động mọi nguồn vốn hợp pháp của Khách hàng để thanh toán đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) của Khách hàng theo Hợp đồng này và/hoặc văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng.
- 8.7. Báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích quy định tại Hợp đồng này và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng.
- 8.8. Không được dùng tài sản bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ phát sinh theo Hợp đồng này và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng để thế chấp, cầm cố cho tổ chức, cá nhân khác khi chưa trả hết nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng này và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng, trừ trường hợp có sự đồng ý trước bằng văn bản của Ngân hàng.
- 8.9. Bổ sung biện pháp bảo đảm và/hoặc tài sản bảo đảm khác theo yêu cầu của Ngân hàng.
- 8.10. Có văn bản thông báo kịp thời, đầy đủ, trung thực cho Ngân hàng bằng văn bản nếu Khách hàng thực hiện hoạt động cho vay hoặc đầu tư vào bất kỳ chủ thể khác.
- 8.11. Không được thực hiện thủ tục ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động, giải thể hoặc phá sản, tham gia bất kỳ giao dịch hợp nhất, sáp nhập, chia, tách hoặc tổ chức lại, hoặc thực hiện cổ phần hóa, chuyển đổi hình thức pháp lý khác, trừ trường hợp Khách hàng đã có văn bản thông báo trước cho Ngân hàng.
- 8.12. Mua và duy trì bảo hiểm đối với tài sản bảo đảm của Khách hàng theo yêu cầu của Ngân hàng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
- 8.13. Mở các loại tài khoản và ưu tiên sử dụng dịch vụ ngân hàng theo yêu cầu của Ngân hàng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
- 8.14. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ngân hàng, bao gồm:
 - a) Báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm và báo cáo tình hình tài chính khác của Khách hàng.
 - b) Các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và mục đích sử dụng vốn vay; thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Khách hàng; thông tin, tài liệu chứng minh năng lực tài chính của Khách hàng và bên bảo đảm theo các Hợp đồng Bảo đảm có liên quan (nếu có);
 - c) Bản sao y bản chính các văn bản nội bộ (điều lệ, quyết định thành lập và các văn bản khác) của Khách hàng và bản sao có chứng thực hợp pháp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư, quyết định thành lập và các văn bản sửa đổi, bổ



sung (nếu có).

- 8.15. Thông báo và cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực cho Ngân hàng khi Khách hàng phát sinh một trong các trường hợp sau:
- Chuẩn bị thực hiện ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động, giải thể, tổ chức lại, phá sản, chỉ định người quản lý tài sản, chia/tách/sáp nhập/hợp nhất/cổ phần hóa/chuyển đổi hình thức pháp lý khác hoặc sự kiện có tính chất tương tự;
 - Đổi tên, thay đổi địa chỉ trụ sở chính; sửa đổi, bổ sung điều lệ của Khách hàng;
 - Thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên; thay đổi người đại diện theo pháp luật của Khách hàng;
 - Phát sinh bất đồng, tranh chấp, thủ tục pháp lý hoặc thủ tục hành chính đối với Khách hàng hoặc nhân sự của Khách hàng có thể dẫn đến Thay đổi Bất lợi Đáng kể;
 - Thay đổi về tài sản bảo đảm và hình thức pháp lý của bên bảo đảm hoặc bên bảo lãnh có liên quan (nếu có);
 - Thay đổi về vốn hoặc tài sản của Khách hàng có thể dẫn đến Thay đổi Bất lợi Đáng kể;
 - Xảy ra bất kỳ Thay đổi Bất lợi Đáng kể, Sự kiện Vi phạm nào và các biện pháp mà Khách hàng đang thực hiện để khắc phục các sự kiện này.
- 8.16. Thâm quyền quyết định việc quan hệ tín dụng, thực hiện biện pháp bảo đảm của Khách hàng và thâm quyền ký kết các hợp đồng cấp tín dụng/cho vay, hợp đồng bảo đảm và văn kiện tín dụng liên quan của Khách hàng phải phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Khách hàng.
- 8.17. Trường hợp tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của bên thứ ba, thâm quyền quyết định biện pháp bảo đảm; thâm quyền ký kết các hợp đồng bảo đảm, văn bản bảo lãnh...liên quan phải phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và/hoặc quy định nội bộ của Bên thứ ba.
- 8.18. Cung cấp văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Khách hàng/Bên bảo đảm trong trường hợp người ký Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng bảo đảm và các văn kiện tín dụng khác không phải là người đại diện theo pháp luật của Khách hàng/Bên bảo đảm.
- 8.19. Trước khi ký kết Hợp đồng cấp tín dụng, Khách hàng cung cấp các văn bản của cấp có thẩm quyền phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế tài chính và các quy định nội bộ của Khách hàng, cụ thể:
- Quyết định đầu tư Dự án/Phương án đầu tư tài sản, dự toán chi phí đầu tư.
 - Văn bản của cấp thẩm quyền thông qua việc vay vốn, thế chấp tài sản tại Ngân hàng (theo Quy chế tài chính ngày 06/07/2021 quy định thẩm quyền là HĐQT).
 - Phương án sử dụng vốn vay, thế chấp tài sản tại Ngân hàng
- 8.20. Khách hàng cam kết và thực hiện: Có lộ trình khắc phục mất cân đối nguồn vốn; không gia tăng mức độ mất cân đối nguồn vốn so với thời điểm 31/12/2021. Định kỳ kiểm tra Báo cáo tài chính quý.
- Công thức tính: (Vốn lưu động ròng = Tài sản ngắn hạn – Nợ ngắn hạn, trong đó Nợ ngắn hạn không bao gồm Nợ dài hạn đến hạn trả).
- 8.21. Đảm bảo Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu $\leq 4,18$ lần và không vượt quá định mức hệ số nợ do HĐQT của Khách hàng phê duyệt hàng năm. Định kỳ hàng quý kiểm tra căn cứ số liệu Báo cáo tài chính cuối quý.
- 8.22. Đảm bảo hệ số khả năng trả nợ dài hạn (DSCR) ≥ 1 . Định kỳ kiểm tra Báo cáo tài chính năm.
- Công thức tính DSCR = (LNST năm N + Khấu hao năm N + Lãi vay năm N) / (Nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng tại 31/12 Năm N-1 + Chi phí lãi vay năm N).

- 8.23. Khách hàng cam kết và thực hiện chuyển khoản doanh thu bằng tiền qua tài khoản thanh toán mở tại Ngân hàng tối thiểu bằng 120%*(Doanh số vay ngắn hạn + Nợ gốc trung dài hạn đến hạn trả Ngân hàng trong cùng kỳ). Ngân hàng kiểm tra điều kiện này định kỳ hàng quý.
Trong đó, doanh thu bằng tiền đã loại trừ: (i) doanh thu thanh toán theo hình thức đối trừ công nợ; (ii) điều chuyển vốn nội bộ của Khách hàng từ Tổ chức tín dụng khác
- 8.24. Khách hàng cam kết mua và duy trì hiệu lực hợp đồng bảo hiểm cháy nổ/mọi rủi ro đối với các tài sản bảo đảm tại Ngân hàng đồng thời đáp ứng các điều kiện sau:
- Công ty bảo hiểm được Ngân hàng chấp thuận phù hợp với chính sách của Ngân hàng từng thời kỳ.
 - Số tiền mua bảo hiểm và chuyển quyền thụ hưởng đầu tiên cho Ngân hàng bằng Min {100% giá trị định giá TSBD; 110% tổng số dư cấp tín dụng trung dài hạn tại Ngân hàng}
 - Duy trì hiệu lực bảo hiểm trong suốt thời gian có số dư cấp tín dụng tại Ngân hàng.
- 8.25. Khách hàng cam kết và thực hiện chỉ chi trả lợi nhuận bằng tiền sau khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:
- Hoàn thành nghĩa vụ trả nợ trung dài hạn của năm tài chính tương ứng với năm có nguồn lợi nhuận được chia cho các Tổ chức tín dụng.
 - Không phát sinh nợ cần chú ý/nợ xấu/nợ đã bán VAMC tại các Tổ chức tín dụng (theo tra cứu CIC); không có nợ quá hạn tại Ngân hàng.
 - Việc chi trả lợi nhuận bằng tiền không dẫn đến vi phạm các điều kiện quy định tại các khoản từ khoản 8.20 đến 8.22 Điều này.
- 8.26. Khách hàng thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm và bổ nhiệm đơn vị kiểm toán trước ngày kết thúc niên độ tài chính. Đơn vị kiểm toán thuộc danh sách các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 8.27. Báo cáo cho Ngân hàng bằng văn bản:
- Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.
 - Báo cáo tài chính hàng quý; số chi tiết phải thu, phải trả, hàng tồn kho, tài sản cố định, vay và nợ thuê tài chính. Thời hạn cung cấp: trong vòng 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.
- 8.28. Khách hàng cam kết hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư tuân thủ các quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn ở các quy định về: luật đấu thầu, luật doanh nghiệp, môi trường, bảo hiểm, phòng cháy chữa cháy trong suốt thời gian quan hệ tín dụng tại Ngân hàng.
- 8.29. Khách hàng cam kết và thực hiện việc huy động vốn của Khách hàng đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan.
- 8.30. Khách hàng cam kết và thực hiện tham gia vốn tự có tối thiểu 15% chi phí đầu tư (chưa gồm VAT) của Phương án đầu tư đối với phần mua sắm thiết bị; các chi phí khác như thuế VAT, chi phí tư vấn, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, chi phí dự phòng và chi phí khác.
- 8.31. Khách hàng cam kết trong trường hợp Tổng mức đầu tư tăng, Khách hàng phải dùng vốn tự có và vốn huy động khác đảm bảo phương án đầu tư được hoàn thành đúng tiến độ. Vốn huy động khác là thứ cấp, có thứ tự ưu tiên thanh toán sau vốn vay Ngân hàng, trừ trường hợp được Ngân hàng chấp thuận.
- 8.32. Khách hàng cam kết sử dụng toàn bộ dòng tiền của Khách hàng để thanh toán đầy đủ nợ gốc, lãi, phí (nếu có) đúng hạn cho Ngân hàng. Trường hợp nguồn thu từ Khách hàng không

- đủ trả nợ vay cho Ngân hàng, Khách hàng cam kết sử dụng các nguồn thu hợp pháp khác để đảm bảo trả nợ đầy đủ và đúng hạn cho Ngân hàng
- 8.33. Vốn tự có của Khách hàng tham gia vào Dự án trước hoặc song song với vốn vay Ngân hàng đảm bảo tỷ lệ tham gia vốn tự có tối thiểu 15% chi phí đầu tư lũy kế (chưa gồm VAT) của từng Phương án đối với phần mua sắm thiết bị. Ngân hàng kiểm tra điều kiện tại thời điểm cuối quý.
- 8.34. Vốn tự có của Khách hàng thể hiện qua một/một số hình thức sau:
- Báo cáo kiểm toán vốn tự có đã tham gia vào Dự án bởi 01 đơn vị kiểm toán có uy tín và được Ngân hàng chấp nhận và/hoặc;
 - Biên bản kiểm tra vốn tự có đã tham gia vào Dự án được ký giữa Ngân hàng và Khách hàng, kèm theo các Bảng kê và Chứng từ chứng minh của Khách hàng và/hoặc;
 - Số tiền trên tài khoản của Khách hàng đã được Ngân hàng tạm khóa để kiểm soát chi vào Dự án.
- 8.35. Khách hàng cung cấp cho Ngân hàng bằng văn bản:
- Báo cáo nghiệm thu, quyết toán hoàn thành đầu tư Phương án đầu tư sau khi hoàn thành đầu tư
 - Văn bản Phê duyệt kế hoạch đầu tư hàng năm của cấp thẩm quyền nội bộ Khách hàng.
- 8.36. Khách hàng cam kết thực hiện đầu tư theo phương án vay vốn và các hồ sơ đã cung cấp cho Ngân hàng. Trường hợp phương án vay vốn của Khách hàng triển khai có thay đổi trọng yếu so với các thông số, giả định tại thời điểm lập hồ sơ thẩm định (kế hoạch đầu tư, vay vốn, tổng giá trị phương án ...) và ảnh hưởng bất lợi tới khả năng trả nợ, Khách hàng phải báo cáo cho Ngân hàng xem xét, chấp thuận
- 8.37. Khách hàng cam kết và thực hiện việc sử dụng các dịch vụ phát sinh từ hoạt động cấp tín dụng tại Ngân hàng năm 2022 với mức tối thiểu như sau:
- Số dư bình quân tiền gửi không kỳ hạn/có kỳ hạn: 196.000.000 VND (Một trăm chín mươi sáu triệu đồng)
 - Dư nợ vay ngắn hạn bình quân: 15.000.000.000 VND (Mười lăm tỷ đồng)
 - Tỷ trọng dư nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng/Tổng dư nợ vay ngắn hạn tại các Tổ chức tín dụng: 50%.
- 8.38. Khách hàng thông báo cho Ngân hàng bằng văn bản trước khi Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (gọi tắt là “TKV”) giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần của Khách hàng xuống dưới 65% vốn điều lệ; trong trường hợp này Ngân hàng có quyền dừng cấp tín dụng và thu nợ trước hạn (nếu cần thiết).
- 8.39. Khách hàng cam kết triển khai dự án đầu tư phù hợp với hồ sơ Dự án/Phương án đầu tư mà Khách hàng đã cung cấp cho Ngân hàng. Trường hợp Dự án/Phương án đầu tư được triển khai có thay đổi trọng yếu so với các thông số, giả định tại thời điểm lập hồ sơ thẩm định (thiết bị chính, cơ cấu nguồn vốn, tổng mức đầu tư...) và ảnh hưởng bất lợi tới khả năng trả nợ, Khách hàng phải báo cáo cho Ngân hàng xem xét, chấp thuận.
- 8.40. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này, văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng và theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng

Ngân hàng có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- 9.1. Yêu cầu Khách hàng cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ, trung thực các tài liệu, thông tin liên quan đến việc vay vốn, tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, những thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy, vốn, tài sản, điều lệ, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa điểm sản xuất kinh doanh, việc đổi mới sắp xếp lại hoạt động kinh doanh của Khách

hàng và các thông tin khác theo quy định tại Hợp đồng này trước và trong quá trình cho vay.

- 9.2. Từ chối yêu cầu vay vốn của Khách hàng nếu thấy không đủ điều kiện vay vốn hoặc nhu cầu vay vốn không phù hợp với quy định của pháp luật.
- 9.3. Từ chối tiếp tục giải ngân vốn cho vay khi đề nghị của Khách hàng không phù hợp với quy định tại Hợp đồng này, văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng và quy định của pháp luật.
- 9.4. Thực hiện miễn, giảm Lãi tiền vay, phí, Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ cho Khách hàng theo quy định nội bộ của Ngân hàng, quy định của pháp luật và theo quy định tại Hợp đồng này.
- 9.5. Yêu cầu Khách hàng sử dụng mọi tài sản, nguồn thu của Khách hàng để trả nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng này và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng.
- 9.6. Bù trừ các nghĩa vụ của Khách hàng đối với Ngân hàng theo Hợp đồng này và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng mà không phải gửi thông báo cho Khách hàng hoặc bất kỳ chủ thể nào khác thông qua việc: (i) Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ) theo quy định tại Hợp đồng này; và (ii) Ngân hàng chủ động cản trừ bất kỳ nghĩa vụ nào khác của Khách hàng tại Ngân hàng. Trong trường hợp này, sau khi thực hiện xong việc bù trừ nghĩa vụ của Khách hàng, Ngân hàng thông báo cho Khách hàng biết.
- 9.7. Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của Khách hàng; yêu cầu Khách hàng thông báo hoặc cung cấp thông tin về việc sử dụng vốn vay, tình hình tài chính, tài sản, doanh thu của Khách hàng, thông tin về tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm và các thông tin khác liên quan đến nợ vay hoặc tình hình thực hiện nghĩa vụ của Khách hàng.
- 9.8. Xử lý tài sản bảo đảm và/hoặc biện pháp bảo đảm theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng Bảo đảm có liên quan (nếu có) và theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với trường hợp Khách hàng được bảo lãnh vay vốn.
- 9.9. Yêu cầu Khách hàng thực hiện các biện pháp cần thiết và khả thi để khắc phục Sự kiện Vi phạm, Thay đổi Bất lợi Đáng kể; khởi kiện Khách hàng nếu Khách hàng vi phạm Hợp đồng này và/hoặc văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng.
- 9.10. Thông báo đến Khách hàng các loại phí (nếu có) liên quan đến Khoản nợ quy định tại Hợp đồng này.
- 9.11. Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ) để thu nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng này.
- 9.12. Việc cấp tín dụng của Ngân hàng đối với Khách hàng và người có liên quan phải tuân thủ quy định tại Luật các TCTD và Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019, Thông tư số 23/2020/TT-NHNN ngày 31/12/2020 về giới hạn an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng và các văn bản sửa đổi, liên quan (nếu có).
- 9.13. Trường hợp tổng mức dư nợ cấp tín dụng của Ngân hàng đối với Khách hàng, đối với Khách hàng và người có liên quan vượt quy định của Pháp luật về giới hạn an toàn mà chưa được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép, Ngân hàng có quyền tạm dừng cấp tín dụng đối với Khách hàng và Ngân hàng được quyền thu nợ trước hạn nếu vi phạm điều kiện này.
- 9.14. Ngân hàng có quyền kiểm tra tình hình thực hiện các điều kiện tín dụng quy định tại các khoản từ khoản 8.16 đến 8.39 Điều 8, và các Khoản 9.12, 9.13 Điều 9 Hợp đồng này. Trong trường hợp khách hàng vi phạm một hoặc một số điều kiện tín dụng trên và Khách hàng không có biện pháp khắc phục được Ngân hàng chấp thuận thì Ngân hàng có quyền áp dụng một hoặc một số biện pháp sau:
 - a) Tạm dừng giải ngân vốn vay;

- b) Thu nợ trước hạn;
- c) Tạm dừng áp dụng lãi suất ưu đãi đối với toàn bộ khoản vay.

9.15. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Sự kiện Vi phạm và xử lý nợ vay

10.1. Sự kiện Vi phạm:

Bất kỳ sự kiện nào sau đây sẽ được coi là Sự kiện Vi phạm:

- 10.1.1. Khách hàng không trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc/Lãi tiền vay/phí hoặc nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo Hợp đồng này và/hoặc văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng.
- 10.1.2. Khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích; kinh doanh thua lỗ và không khắc phục được làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ của Khách hàng đối với Ngân hàng hoặc có tranh chấp đe dọa đến biện pháp bảo đảm và/hoặc tài sản bảo đảm quy định tại Hợp đồng này và/hoặc văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng.
- 10.1.3. Khách hàng không bổ sung tài sản bảo đảm và/hoặc biện pháp bảo đảm khác theo yêu cầu của Ngân hàng quy định tại Hợp đồng này và/hoặc văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng.
- 10.1.4. Khách hàng không mua bảo hiểm theo yêu cầu của Ngân hàng và theo quy định tại Hợp đồng này và/hoặc văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng.
- 10.1.5. Ngân hàng có cơ sở xác định bất kỳ cam đoan nào do Khách hàng đưa ra trong Hợp đồng này là không chính xác, trung thực và hợp lý.
- 10.1.6. Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ phát sinh theo thỏa thuận giữa Khách hàng với bất kỳ cá nhân, tổ chức mà Ngân hàng có cơ sở xác định ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Khách hàng đối với Ngân hàng theo Hợp đồng này và/hoặc văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng.
- 10.1.7. Khách hàng lâm vào tình trạng phá sản; hoặc đơn yêu cầu tuyên bố phá sản đối với Khách hàng đã được nộp tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; hoặc Khách hàng ngừng, tuyên bố ngừng toàn bộ hoặc một phần hoạt động của mình; hoặc Khách hàng đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền được giải thể theo quy định của pháp luật.
- 10.1.8. Bất kỳ quy định nào tại Hợp đồng này hoặc Văn bản Tín dụng bị vô hiệu hoặc bị chấm dứt trước hạn theo quy định của pháp luật; hoặc Khách hàng từ chối, không công nhận nghĩa vụ đã thỏa thuận với Ngân hàng theo Hợp đồng này và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng.
- 10.1.9. Khách hàng bị Tòa án hoặc Trọng tài có thẩm quyền ra phán quyết mà Ngân hàng có cơ sở xác định phán quyết này có khả năng dẫn đến Thay đổi Bất lợi Đáng kể.
- 10.1.10. Báo cáo tài chính được kiểm toán của Khách hàng có bất kỳ nhận xét loại trừ đáng kể nào của đơn vị kiểm toán mà Ngân hàng có cơ sở xác định có khả năng dẫn đến Thay đổi Bất lợi Đáng kể.
- 10.1.11. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, người đại diện theo pháp luật của Khách hàng bị khởi tố, điều tra, truy tố hoặc xét xử.
- 10.1.12. Xảy ra bất kỳ Thay đổi Bất lợi Đáng kể nào.
- 10.1.13. Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ bất kỳ nghĩa vụ nào quy định tại Hợp đồng này và/hoặc văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng hoặc theo thỏa thuận khác giữa Khách hàng và Ngân hàng.

10.2. Chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn:

- 10.2.1. Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi xảy ra một, một số hoặc tất cả Sự kiện Vi phạm quy định tại khoản 10.1 Điều này.
- 10.2.2. Khách hàng phải trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn theo thông báo bằng văn bản của Ngân hàng về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn quy định tại điểm 10.2.3 khoản 10.2 Điều này. Trường hợp Khách hàng không trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc bị thu hồi trước hạn thì Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Khách hàng không trả được nợ trước hạn và áp dụng lãi suất đối với Dư nợ gốc bị Quá hạn quy định tại khoản 3.2 Điều 3 Hợp đồng này.
- 10.2.3. Khi chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn, Ngân hàng thông báo bằng văn bản cho Khách hàng về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, trong đó có các nội dung: thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

10.3. Xử lý nợ vay:

Khi xảy ra bất kỳ Sự kiện Vi phạm nào quy định tại Hợp đồng này, Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng toàn quyền chủ động áp dụng một, một số hoặc tất cả biện pháp dưới đây để xử lý nợ vay:

- 10.3.1. Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ) theo quy định tại Hợp đồng này.
- 10.3.2. Yêu cầu Khách hàng ngay lập tức trả nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ khác (nếu có) theo Hợp đồng này và/hoặc văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng.
- 10.3.3. Yêu cầu Khách hàng bổ sung biện pháp bảo đảm và/hoặc tài sản bảo đảm của Khách hàng và/hoặc của bên thứ ba để bảo đảm cho các nghĩa vụ của Khách hàng phát sinh theo Hợp đồng này và/hoặc văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng.
- 10.3.4. Yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo (các) hợp đồng bảo lãnh hoặc văn bản bảo lãnh có liên quan và theo quy định của pháp luật.
- 10.3.5. Xử lý bất kỳ tài sản bảo đảm nào hoặc xử lý tất cả các giao dịch bảo đảm theo quy định của Hợp đồng Bảo đảm có liên quan (nếu có) và theo quy định của pháp luật.
- 10.3.6. Khởi kiện hoặc thực hiện thủ tục tố tụng hoặc thủ tục phá sản đối với Khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật.
- 10.3.7. Thực hiện các biện pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 11. Giải quyết tranh chấp, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

11.1. Luật điều chỉnh:

Hợp đồng này, các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này được điều chỉnh, giải thích theo pháp luật Việt Nam.

11.2. Giải quyết tranh chấp:

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này trước hết được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa các bên. Trong trường hợp không thương lượng được, các bên thống nhất giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền của Việt Nam nơi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện.

11.3. Phạt vi phạm:

- 11.3.1. Ngân hàng và Khách hàng đồng ý trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, bất kỳ bên nào vi phạm Hợp đồng này đều phải chịu phạt vi phạm theo mức phạt vi phạm quy định tại điểm 11.3.2 khoản 11.3 Điều này.
- 11.3.2. Mức phạt vi phạm Hợp đồng này là: 0% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng này bị vi phạm.
- 11.3.3. Việc phạt vi phạm quy định tại khoản 11.3 Điều này không áp dụng đối với trường hợp

Khách hàng không trả nợ gốc và/hoặc Lãi tiền vay đúng hạn và phải trả lãi trên Dư nợ gốc bị Quá hạn, lãi chậm trả quy định tại các điểm 6.2.2 và điểm 6.2.3 khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng này.

11.4. Bồi thường thiệt hại:

- 11.4.1. Bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng: Khách hàng phải bồi thường các thiệt hại và tổn thất thực tế phát sinh (nếu có) cho Ngân hàng khi có một trong các trường hợp sau:
- Khách hàng không nhận số tiền giải ngân sau khi đã thực hiện thủ tục đề nghị Ngân hàng giải ngân vốn cho vay.
 - Ngân hàng phải thực hiện các thủ tục, biện pháp để xác định sự kiện xảy ra là Sự kiện Vi phạm theo quy định tại Hợp đồng này.
 - Khách hàng cung cấp các thông tin, tài liệu không chính xác, không trung thực gây thiệt hại và tổn thất cho Ngân hàng.
 - Xảy ra Sự kiện Vi phạm theo quy định tại Hợp đồng này, trừ Sự kiện Vi phạm quy định tại điểm 10.1.1 khoản 10.1 Điều 10 Hợp đồng này.
- 11.4.2. Bồi thường thiệt hại cho Khách hàng: Ngân hàng phải bồi thường các thiệt hại và tổn thất thực tế phát sinh (nếu có) cho Khách hàng trong trường hợp Ngân hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình quy định tại Hợp đồng này và có lỗi dẫn đến gây thiệt hại và tổn thất cho Khách hàng.

Điều 12. Các thỏa thuận khác

12.1. Thông báo:

- 12.1.1. Tất cả các thông báo, thông tin khác được trao đổi giữa Ngân hàng và Khách hàng theo Hợp đồng này phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt hoặc kèm theo bản dịch tiếng Việt (có công chứng/chứng thực nếu Ngân hàng yêu cầu) và được gửi: (i) bằng đường bưu điện, hoặc (ii) trực tiếp, hoặc (iii) bằng fax [nếu gửi bằng fax thì bản gốc phải được gửi trong vòng hai (02) Ngày làm việc, kể từ ngày gửi bằng fax] đến (các) địa chỉ quy định tại phần giới thiệu các bên tham gia Hợp đồng này hoặc theo địa chỉ khác do các bên thông báo cho nhau bằng văn bản.
- 12.1.2. Mọi thông báo và thông tin sẽ có hiệu lực: (i) vào Ngày làm việc tiếp theo của ngày có dấu bưu điện nơi gửi, nếu gửi bằng đường bưu điện, hoặc (ii) ngay khi người nhận nhận được, nếu gửi trực tiếp, hoặc (iii) ngay khi máy fax có tín hiệu xác nhận việc truyền dữ liệu thành công, nếu gửi bằng fax theo số fax được quy định tại Hợp đồng này.

12.2. Bảo mật thông tin:

- 12.2.1. Ngân hàng phải bảo mật bất kỳ thông tin nào nhận được từ Khách hàng liên quan đến Hợp đồng này, trừ các trường hợp Ngân hàng được cung cấp thông tin sau:
- Thông tin đã được công bố công khai mà không phải là hậu quả của việc Ngân hàng vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin quy định tại Hợp đồng này;
 - Cung cấp thông tin cho chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác cùng hệ thống với Ngân hàng;
 - Cung cấp thông tin liên quan đến thủ tục tố tụng hoặc thủ tục pháp lý;
 - Cung cấp thông tin khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật; cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
 - Cung cấp thông tin cho bất kỳ chủ thể nào liên quan đến các giao dịch đầu tư chứng khoán, nợ hoặc chứng khoán vốn vào Ngân hàng, công ty con và công ty liên kết của Ngân hàng. Trong trường hợp này, các chủ thể được Ngân hàng cung cấp thông tin phải bảo mật thông tin theo quy định tại Điều này;

- f) Cung cấp thông tin cho các chuyên gia tư vấn, cố đồng của Ngân hàng;
- g) Cung cấp thông tin cho cơ quan kiểm toán thực hiện kiểm toán Ngân hàng;
- h) Cung cấp thông tin cho bất kỳ chủ thể nào ký kết hoặc đã ký kết với Ngân hàng hợp đồng chuyên nhượng, góp vốn hoặc thỏa thuận khác liên quan đến bất kỳ Khoản nợ nào được cấp theo Hợp đồng này và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng. Trong trường hợp này, các chủ thể được Ngân hàng cung cấp thông tin phải bảo mật thông tin theo quy định tại Điều này.

12.2.2. Các quy định tại Điều này thay thế thỏa thuận giữa Ngân hàng và Khách hàng về việc bảo mật thông tin ký trước ngày ký Hợp đồng này (nếu có).

12.3. Chuyển nhượng:

12.3.1. Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng được chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của Ngân hàng phát sinh theo Hợp đồng này và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ thông báo cho Khách hàng biết.

12.3.2. Khách hàng không được chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của Khách hàng phát sinh theo Hợp đồng này và văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng, trừ trường hợp được Ngân hàng đồng ý trước bằng văn bản.

12.4. Không từ bỏ quyền:

Việc Ngân hàng không thực hiện hoặc chậm thực hiện bất kỳ quyền nào theo Hợp đồng này hoặc Văn bản Tín dụng không được coi là từ bỏ các quyền đó. Việc thực hiện đơn lẻ hoặc một phần bất kỳ quyền nào theo Hợp đồng này hoặc Văn bản Tín dụng không cản trở việc thực hiện các quyền khác theo Hợp đồng này hoặc Văn bản Tín dụng.

12.5. Bảng chứng về nghĩa vụ nợ:

Ngân hàng duy trì hệ thống sổ sách và/hoặc máy tính phù hợp với hoạt động của Ngân hàng để hạch toán các Khoản nợ của Khách hàng tại từng thời điểm phù hợp với quy định tại Hợp đồng này. Khách hàng đồng ý nội dung của các bút toán trong sổ sách, chương trình hạch toán của Ngân hàng thể hiện nghĩa vụ trả nợ của Khách hàng, trừ trường hợp Khách hàng chứng minh được các bút toán đó bị sai.

12.6. Toàn bộ thỏa thuận:

Hợp đồng này, văn bản khác có liên quan trong Văn bản Tín dụng và các tài liệu kèm theo (nếu có) là một thể thống nhất, xác lập toàn bộ quyền và nghĩa vụ của các bên.

12.7. Sửa đổi, bổ sung:

Việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và phải người được đại diện hợp pháp của các bên ký, đóng dấu (nếu có con dấu).

12.8. Hiệu lực từng phần:

Toàn bộ hoặc một phần bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này có hiệu lực riêng biệt và độc lập với các điều khoản khác. Nếu có bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thể thi hành theo quy định của pháp luật, thì hiệu lực, tính hợp pháp và khả năng thi hành của điều khoản còn lại của Hợp đồng này không bị ảnh hưởng dưới bất kỳ hình thức nào.

12.9. Ngôn ngữ:

Hợp đồng này được lập bằng:

Tiếng Việt.

12.10. Hiệu lực:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày dưới đây cho đến khi Khách hàng trả hết cho Ngân hàng nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định tại Hợp

lu
luat

đồng này:

Ngày ký Hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành 03 bản gốc có giá trị pháp lý ngang nhau. Ngân hàng giữ 02 bản và Khách hàng giữ 01 bản.

ĐỀ GHI NHẬN CÁC THỎA THUẬN TRONG HỢP ĐỒNG NÀY, người đại diện hợp pháp của Khách hàng và Ngân hàng cùng ký Hợp đồng này làm căn cứ thực hiện.

NGÂN HÀNG

KHÁCH HÀNG

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



Hoàng Quốc Chiến

Phan Văn Cường



GIẤY ỦY QUYỀN

I. NGƯỜI ỦY QUYỀN:

- Ông: **Phạm Quang Dũng**
- Thẻ Căn cước công dân số 038073004767 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/04/2021.
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

II. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN:

- Ông: **Hoàng Quốc Chiến**
- Thẻ Căn cước công dân số 022070003521 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/04/2021.
- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh (sau đây gọi là “Chi nhánh”).
- Địa chỉ trụ sở: Đường 25/4, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

III. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

1. Ông Hoàng Quốc Chiến tại mục II Giấy ủy quyền này được đại diện cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (sau đây gọi là “VCB”) thực hiện ký kết các hợp đồng kinh doanh, thương mại, dân sự (sau đây gọi là “Hợp đồng”), các phụ lục Hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng và các giấy tờ khác có liên quan (nếu có) như sau:

1.1. Hợp đồng và văn bản có liên quan với khách hàng, đối tác phát sinh trong quá trình hoạt động của Chi nhánh, bao gồm nhưng không giới hạn ở:



(i) Hợp đồng cấp tín dụng; hợp đồng cho vay; hợp đồng đồng tài trợ; thỏa thuận cấp bảo lãnh; cam kết bảo lãnh; hợp đồng chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá và các công cụ chuyển nhượng khác; hợp đồng bao thanh toán; hợp đồng thuê định giá/thẩm định giá tài sản bảo đảm; hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; các hợp đồng và văn bản khác có liên quan tới hoạt động cấp tín dụng phát sinh tại Chi nhánh.

(ii) Hợp đồng bảo đảm; đơn yêu cầu đăng ký, xóa đăng ký, thay đổi, sửa chữa sai sót, gia hạn giao dịch bảo đảm; thông báo xử lý tài sản bảo đảm và các văn bản khác có liên quan đến tài sản bảo đảm.

(iii) Hợp đồng mua, bán nợ với tổ chức, cá nhân có liên quan.

(iv) Hợp đồng mua bán tài sản, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để làm trụ sở Chi nhánh, phòng giao dịch và các hợp đồng, văn bản phát sinh trong hoạt động xây dựng tại Chi nhánh.

(v) Các hợp đồng và văn bản khác có liên quan trong phạm vi các nghiệp vụ được phép hoạt động của Chi nhánh đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền nơi Chi nhánh đặt trụ sở theo quy định của pháp luật.

1.2. Phạm vi ủy quyền: Người được ủy quyền được ký kết các Hợp đồng, văn bản tại tiết 1.1 điểm 1 Mục III này trong phạm vi thẩm quyền, hạn mức của Giám đốc Chi nhánh hoặc Hội đồng có liên quan tại Chi nhánh theo quy định của VCB tại từng thời kỳ và các hợp đồng, văn bản khác có liên quan vượt thẩm quyền của Giám đốc Chi nhánh hoặc Hội đồng có liên quan tại Chi nhánh sau khi đã được cấp có thẩm quyền của VCB phê duyệt theo quy định.

2. Ông Hoàng Quốc Chiến được ủy quyền lại bằng văn bản cho Phó Giám đốc, Trưởng/Phó trưởng phòng/ban/tổ thuộc Chi nhánh để thực hiện một, một số hoặc tất cả các công việc được ủy quyền tại điểm 1 Mục III này.

3. Người được ủy quyền, người được ủy quyền lại được sử dụng con dấu của Chi nhánh/Phòng giao dịch trực thuộc Chi nhánh để đóng trên các Hợp đồng, văn bản, tài liệu do mình ký trong quá trình thực hiện các công việc được ủy quyền hoặc được ủy quyền lại tại điểm 1, 2 Mục III này.

IV. HIỆU LỰC ỦY QUYỀN:

1. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi có văn bản khác của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của VCB

thông báo thay thế hoặc chấm dứt hiệu lực hoặc người được ủy quyền không còn giữ chức vụ tại Mục II Giấy ủy quyền này.

2. Kể từ ngày Giấy ủy quyền này có hiệu lực, Giấy ủy quyền số 25/UQ-VCB-PC ngày 17/01/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị VCB hết hiệu lực./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
GIÁM ĐỐC
VCB CHI NHÁNH QUẢNG NINH

NGƯỜI ỦY QUYỀN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Phạm Quốc Chiến
Ngày: **21-10-2021**

Phạm Quang Dũng

Nơi nhận:

- Người được ủy quyền (để thực hiện) quyền số.....-SCT/BS
- VCB Chi nhánh Quảng Ninh (để biết),
- Lưu: VT, PC. (50)

UBND PHƯỜNG HỒNG GAI
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Tuấn

